



Danh mục gói thầu: Sữa độc hại hiện vật năm 2026

(Kèm theo Yêu cầu số 2520 /YCBG-BVBT ngày 05 tháng 10 năm 2026)

Stt	Danh mục	Mô tả thông số, cấu hình	Đơn vị tính	Số lượng
1	Sữa dinh dưỡng hương Dâu	Trọng lượng: 180ml/hộp, 1 lốc 4 hộp Hàng mới: 100% Sản xuất từ tháng 11/2025 trở về sau Thành phần: Sữa (93,6%) (nước, sữa bột, chất béo sữa, sữa tươi) đường, dầu thực vật, chất ổn định (471, 460 (i), 407,466), hương dâu tổng hợp dùng cho thực phẩm, vitamin (natri ascorbat, niacin, hỗn hợp tocopherol, ascorbylpalmitat, B1, B5, B6, A, Acid folic, KI, biotin, D3, B12), dầu cá giàu DHA, màu tự nhiên (120), khoáng chất (Kẽm sulfat, kali iodid, natri selenit). Có chứa sữa, đậu nành, dầu cá. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: theo công bố sản phẩm số (17- C3/VNM/2021) + Năng lượng/Energy: 69,1 kcal + Chất đạm (Protein): 3,0 g + Chất béo/Fat: 1,5 g l + Hydrat carbon /Carbohydrate: 10,9 g	Hộp	5.880
2	Sữa dinh dưỡng Socola	Trọng lượng: 180ml/hộp, 1 lốc 4 hộp Hàng mới: 100% Sản xuất từ tháng 11/2025 trở về sau Thành phần: Sữa (90,4%) (nước, sữa bột, chất béo sữa, sữa tươi) đường, chiết xuất lúa mạch, bột cacao(0,7%) chất ổn định (471, 460 (i), 407, 466), dầu thực vật, hương sôcôla tổng hợp dùng cho thực phẩm, vitamin (natri ascorbat, niacin, hỗn hợp tocopherol, ascorbylpalmitat, B1, B5, B6, A, Acid folic, KI, biotin, D3, B12), dầu cá giàu DHA, khoáng chất (Kẽm sulfat, kali iodid, natri selenit). Có chứa sữa, gluten, đậu nành, dầu cá. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: theo công bố sản phẩm số (04-C3-VNM- 2022) + Năng lượng/Energy: 89.4 kcal + Chất đạm (Protein): 2.9 g + Chất béo/Fat: 3,0 g + Hydrat carbon /Carbohydrate: 12,7 g	Hộp	8.230

3	Sữa dinh dưỡng có đường	Trọng lượng: 180ml/hộp, 1 lốc 4 hộp Hàng mới: 100% Sản xuất từ tháng 11/2025 trở về sau Thành phần: Sữa (93,9%) (nước, sữa bột, chất béo sữa, sữa tươi) đường (3,6%), chất ổn định (471, 460 (i), 407, 466), vitamin (natri ascorbat, niacin, hỗn hợp tocopherol, ascorbylpalmitat, B1, B5, B6, A, Axit folic, K1, biotin, D3, B12), dầu cá giàu DHA, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, khoáng chất (Kẽm sulfat, kali iodid, natri selenit). Có chứa sữa, đậu nành, dầu cá. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: theo công bố sản phẩm số (01-C3-VNM- 2023) + Năng lượng/Energy: 73,4 kcal + Chất đạm (Protein): 3,0 g + Chất béo/Fat: 3,0 g + Hydrat carbon /Carbohydrate: 8,6 g	Hộp	6.580
4	Sữa tươi tiệt trùng Có đường	Trọng lượng: 180ml/hộp, 1 lốc 4 hộp Trạng thái: Dạng lỏng, đồng nhất khi lắc đều. Thành phần: Sữa tươi (96,8%), đường (3%), chất ổn định (471, 407, 412), Fresh milk (96,8%), Sugar (3%), stabilizers (471, 407, 412) Năm tháng sản xuất: tháng 11/2025 trở về sau Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: theo công bố sản phẩm số (02- C2/VNM/2022) + Năng lượng/Energy: 74,6 kcal + Chất đạm (Protein): 3,0g + Chất béo/Fat: 3,8g + Hydrat carbon /Carbohydrate: 7,1 g + Calci: 110 mg + Phospho: 80 mg	Hộp	64.900
5	Sữa tươi tiệt trùng không đường	Trọng lượng: 180ml/hộp, 1 lốc 4 hộp Trạng thái: Dạng lỏng, đồng nhất khi lắc đều. Thành phần: Sữa tươi (100%)/ Fresh milk (100%) Năm tháng sản xuất: tháng 11/2025 trở về sau Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: theo công bố sản phẩm số (05- C2/VNM/2022) + Năng lượng/Energy: 62,6 kcal + Chất đạm (Protein): 3,0g + Chất béo/Fat: 3,8g + Hydrat carbon /Carbohydrate: 4,1 g + Calci: 110 mg + Phospho: 80 mg	Hộp	38.960

6	Sữa tươi tiệt trùng Socola 180ml	Thành phần: Sữa từ 100% sữa tươi (93%), đường, bột cacao (0,6%), chất ổn định (471, 460(i), 407,466), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, vitamin (A, D3), khoáng chất (natri selenit/ sodium selenite) Năm tháng sản xuất: tháng 11/2025 trở về sau Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: theo công bố sản phẩm số (05- C2/VNM/2023) + Năng lượng: 83,3 kcal + Chất đạm: 2,9g + Chất béo: 3,3g + Hydrat carbon: 10,5g + Calci: 110 mg + Phospho: 80 mg	Hộp	28.850
7	Sữa tươi tiệt trùng hương dâu	Trọng lượng: 180ml/hộp, 1 lốc 4 hộp Trạng thái: Dạng lỏng, đồng nhất khi lắc đều. Thành phần: , Sữa từ 100% sữa tươi (93,9%), đường, chất ổn định (471, 460(i), 407, 466), hương liệu (hương dâu) tổng hợp dùng cho thực phẩm, vitamin (A, D3), khoáng chất (natri selenit/ sodium selenite) Sản xuất từ tháng 11/2025 trở về sau Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: theo công bố sản phẩm số (04- C2/VNM/2023) + Năng lượng: 80,9 kcal + Chất đạm: 2,9g + Chất béo: 3,3g + Hydrat carbon: 9,9g + Calci: H0mg + Phospho: 80 mg	Hộp	21.470
8	Sữa chua uống tiệt trùng hương Cam	Trọng lượng: 170ml/hộp, 1 lốc 4 hộp Hàng mới: 100% Sản xuất từ tháng 11/2025 trở về sau Thành phần: Sữa chua lên men tự nhiên (44%) (nước, sữa bột, whey bột, chất béo sữa, sữa tươi), nước, đường, chất xơ hòa tan (inulin), xirô glucoza, chất ổn định (440), hương cam giống tự nhiên dùng cho thực phẩm, vitamin (B3, E, A, D3) Có chứa sữa. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: theo công bố sản phẩm số (13- C4/VNM/2020) + Năng lượng/Energy: 70,8 kcal + Chất đạm (Protein): 1,2g + Chất béo/Fat: 0,8g + Hydrat carbon /Carbohydrate: 14,2g + Chất xơ hòa tan: 1,0g	Hộp	26.450

9	Sữa đặc có đường	Khối lượng: 380g, hộp thiếc Hàng mới: 100% Năm tháng sản xuất: tháng 11/2025 trở về sau. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g: theo công bố sản phẩm số (693/TB- CTS.NCPT/2022) + Năng lượng/Energy: 341 kcal + Chất đạm (Protein): 4,8g + Chất béo/Fat: 1 1,3g + Hydrat carbon /Carbohydrate: 55,2 g + Calci: 160 mg	Lon	39.855
10	Sữa chua Nha đam có đường	Trọng lượng: 100g/ hộp, 1 lốc 4 hộp Hàng mới: 100% Trạng thái: dạng sệt, có hạt nha đam Thành phần: Sữa (78,3%) (nước, sữa bột, chất béo sữa, whey bột, sữa tươi), đường, nha đam (10%), gelatin thực phẩm, chất ổn định (1422, 471X hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, men Streptococcus thermophilus và Lactobacillus bulgaricus, vitamin D3. Có chứa sữa. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g: theo công bố sản phẩm số (03 - D1/VNM/2024) + Năng lượng/Energy: 99,1 kcal + Chất đạm (Protein): 3,1g + Chất béo/Fat: 2,7g + Hydrat carbon: 15,6g + Calci: 100 mg + Vitamin D3: 60 IU	Hộp	51.910
11	Sữa chua ăn ít đường	Trọng lượng: 100g/ hộp, 1 lốc 4 hộp Hàng mới: 100% Trạng thái: dạng sệt Thành phần: Sữa (92%) (nước, sữa bột, chất béo sữa, whey bột, sữa tươi), đường (7%), gelatin thực phẩm, chất ổn định (1422, 471), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, men Streptococcus thermophilus và Lactobacillus bulgaricus Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g: theo công bố sản phẩm số (02-D1/VNM/2024) + Năng lượng/Energy: 84,5 kcal + Chất đạm (Protein): 3,7g + Chất béo/Fat: 2,5g + Hydrat carbon: 11,8g + Calci: 110 mg + Natri: 45 mg	Hộp	19.150

12	Sữa chua ăn Có đường	Trọng lượng: 100g/ hộp, 1 lôc 4 hộp Trạng thái: dạng sệt Thành phần: Sữa (87,5%),(nước, sữa bột, Whey bột, chất béo sữa, sữa tươi chuẩn hóa), đường (9,5%), dầu thực vật, gelatin thực phẩm, chất ổn định (1422,471), men Streptococcus thermophilus và Lactobacillus bulgaricus),(Vitamin D3,A). có chứa sữa. - Chất lượng: Sản phẩm mới 100%, chưa sử dụng, nguyên vẹn. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g: theo công bố sản phẩm số (12- 1 D1/VNM/2022) + Năng lượng: 100 kcal + Chất đạm: 3,5g + Chất béo: 3,0g + Hy drat carbon: 14,8g + Calci: 110 mg + Vitamin A: 200 IU + Vitamin D3: 60 IU	Hộp	24.000
13	Sữa chua ăn dâu	Trọng lượng: 100g/ hộp, 1 lôc 4 hộp Trạng thái: dạng sệt Thành phần: Sữa (77,6%) (nước, sữa bột, whey bột, chất béo sữa, sữa tươi), đường, thạch dừa (7%), mứt dâu (4,6%), dầu thực vật, gelatin thực phẩm, chất ổn định (1422, 471, 440), men Streptococcus thermophilus và Lactobacillus bulgaricus, vitamin (D3, A). Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g: theo công bố sản phẩm số (04- D1/VNM/2024) 4- Năng lượng/Energy: 99,4 kcal + Chất đạm (Protein): 3,0g + Chất béo/Fat: 2,6g + Hy drat carbon: 16g + Natri: 36 mg	Hộp	17.180
14	Sữa đậu nành Gấp đôi Canxi	Trọng lượng: 200ml/hộp, 1 lôc 4 hộp Hàng mới: 100% Sản xuất từ tháng 11/2025 trở về sau Thành phần: Dịch trích từ hạt đậu nành (71,5%), nước, đường, calci carbonat, chất nhũ hóa (460(i), 471, 466, 407), hương lá dứa và hương đậu xanh tổng hợp dùng cho thực phẩm, chất điều chỉnh độ acid (500(ii)), muối ăn, vitamin (B6, A, B9, D3, B 12). Có chứa đậu nành. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: theo công bố sản phẩm số (01- F1/VNM/2023) + Năng lượng/Energy: 53,5kcal + Chất đạm (Proteïr): 2,2g + Chất béo/Fat: 1, 1g + Hydrat carbon /Carbohydrate: 8,7 g + Calci/Calcium: 120mg	Hộp	16.670

15	Sữa chua uống men sống vị truyền thống	Trọng lượng: 65ml/Chai, 1 lốc 5 chai Trạng thái: dạng lỏng Thành phần: Nước, đường, sữa bột (3,3%), xirô glucoza, chất ổn định (405, 466), hương sữa chua tổng hợp dùng cho thực phẩm, men <i>Lactobacillus paracasei</i> (L.CASEITM), vitamin D3. Có chứa sữa. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: theo công bố sản phẩm số (01- D2/VNM/2024) + Năng lượng/Energy: 63,6 kcal + Chất đạm (Protein): 1,1g + Chất béo/Fat: <0,1 g + Hydrat carbon: 14,8g + Vitamin D3: 75 IU	Chai	185.600
----	--	--	------	---------

